

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày 22 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp.

Thẩm phán: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mạnh Đức; bà Lèo Thị Chan; Ông Nguyễn Duy Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Quàng Hồng Nét - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Lò Văn D**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1974 tại **huyện Q, tỉnh Sơn La**. Nơi cư trú: **Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La**; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông **Lò Văn S** và bà **Lò Thị T**; có vợ **Lềm Thị N** và có 03 con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 125/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Toà án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt **Lò Văn D** 48 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/5/2020); Bản án số 216/2023/HSST ngày 26/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Sông Mã xét xử 14 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2023 tại Trại tạm giam **Công an tỉnh S**. Có mặt.

2. **Lường Văn L**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1991 tại **huyện S, tỉnh Sơn La**. Nơi cư trú: **Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La**; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông **Lường Văn C** và bà **Lò Thị A**; có vợ là **Lò Thị T1** và có 02 con (con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án,

tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 101/2019/HSST xét xử ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt **Lường Văn L** 16 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (ngày 03/7/2020 chấp hành xong hình phạt tù); bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2023 tại Trại tạm giam **Công an tỉnh S**. Có mặt.

3. **Lò Văn Q**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1999 tại **huyện Q, tỉnh Sơn La**. Nơi cư trú: **Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La**; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông **Lò Văn D** (là bị cáo trong vụ án) và bà **Lềm Thị N**; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023 tại Trại tạm giam **Công an tỉnh S**. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo **Lò Văn D***: Ông **Nguyễn Bá L1** - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S**. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo **Lường Văn L***: Bà **Trần Bích L2** - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S**. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo **Lò Văn Q***: Ông **Đàm Mạnh H** - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh S**. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà **Lềm Thị N**, sinh năm 1976; địa chỉ: **Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La**. Có mặt.

+ Anh **Lò Văn H1**, sinh năm 1992; địa chỉ: **Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La**. Có mặt.

- *Người phiên dịch*: anh **Lò Văn G**, trú tại: **Thôn G, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 00 phút ngày 12/5/2023, tổ công tác **Đồn Biên phòng M2, huyện S** phối hợp với lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực bản **Anh T, xã C, huyện S**, phát hiện bắt quả tang **Lường Văn L**, sinh năm 1991, trú tại **bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La** đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 01 bánh chất bột màu trắng và 06 túi (gồm 04 túi màu xanh; 02 túi màu hồng) bên trong chứa các viên nén màu hồng và các viên nén màu xanh (**L** khai là **H2** và **Hồng phiến**). Tạm giữ: 01 điện thoại di động, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 26H9-7758 thu của **Lường Văn L**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đen, biển kiểm soát 36C2 - 312.65 (do **Lò Văn Q** bỏ lại sau khi chạy trốn)

Ngày 13/5/2023 **Đồn Biên phòng M2** - **Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh S** thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định chất ma túy: Vật chứng thu giữ của **Lường Văn L** gồm:

- 1048 viên nén màu hồng có tổng khối lượng 95,81 gam, trích 2,75 gam mẫu gửi giám định, được đánh ký hiệu từ M1 đến M6.

- Cân 01 bánh hình chữ nhật màu trắng có khối lượng 247,08 gam, trích 2,31 gam là mẫu gửi giám định ký hiệu là M7.

- 02 viên nén màu xanh có tổng khối lượng là 0,19 gam trích toàn bộ làm mẫu gửi giám định ký hiệu X1.

Kết luận giám định số 997/KL-KTHS ngày 14/5/2023 của **Phòng K Công an tỉnh S** kết luận:

- Mẫu gửi giám định ký hiệu từ M1, M2, M3, M4, M5, M6 gửi giám định đều là ma túy; Loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là M1= 0,46gam, M2 =0,47 gam; M3=0,48 gam, M4=0,44 gam, M5= 0,45 gam, M6=0,45 gam.

- Mẫu ký hiệu M7 gửi giám định là ma túy; Loại Heroine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 2,31 gam.

- Mẫu ký hiệu X1 gửi giám định, không phải là ma túy. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,19 gam.

- Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 95,81 gam; Loại Methamphetamine và 247,08 gam; Loại Heroine (**H**).

Mở rộng điều tra xác định **Lò Văn D** và **Lò Văn Q** có liên quan đến hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của **Lường Văn L**; ngày 24/6/2023 **Lò Văn D** đã bị **Đồn Biên phòng M2 - Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh S** bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy (trong vụ án khác). Ngày 26/6/2023 **Lò Văn Q** bị Cơ quan điều tra bắt giữ, thu giữ của **Lò Văn Q** gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh có số IMEL 1: 86740040265099; IMEL 2: 867470040265081, không gắn thẻ sim; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu vàng đồng, có số IMEL 868856029093420, không gắn thẻ sim; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại bàn phím, vỏ màu trắng bị vỡ, có số IMEL 351546006700684, không gắn thẻ sim.

Quá trình điều tra các bị cáo **Lường Văn L**; **Lò Văn Q**; **Lò Văn D** khai nhận:

Khoảng cuối tháng 4/2023, **Lò Văn D** nhận được điện thoại của một người phụ nữ không quen biết, tự giới thiệu nhà ở **xã C, huyện M, tỉnh Sơn La** đặt vấn đề mua ma túy là Heroine và Hồng phiến, **D** đồng ý. Sau đó thông qua mạng xã hội facebook **D** gọi điện qua ứng dụng messenger cho một người đàn ông dân tộc Thái, quốc tịch Lào (**D** không biết tên tuổi, địa chỉ) để hỏi mua **H2** và Hồng phiến thì người đàn ông bảo có. **D** gọi điện cho người phụ nữ thông báo là đã có chỗ lấy ma túy, muốn lấy số lượng như thế nào? Người phụ nữ nói có bao nhiêu sẽ lấy bấy nhiêu.

Đến sáng ngày 10/5/2023 **D** vào ứng dụng **M** gọi điện cho người đàn ông người **L3** đặt vấn đề hỏi giá mua bán ma túy người đàn ông đó báo giá 70.000.000 đồng/ 01 bánh Heroine, 1.500.000 đồng/01 túi **H3** phiến. **D** đặt mua 01 bánh Heroine và 06 túi **H3** phiến trả trước 30.000.000 đồng và nợ lại 49.000.000 đồng thỏa thuận lúc nào bán được ma túy sẽ trả sau, người đàn ông đó đồng ý và hẹn **D** 12 giờ cùng ngày lên cột mốc 201 để trao đổi mua bán ma túy. Sau đó khoảng 11 giờ cùng ngày **D** cầm theo số tiền 30.000.000 đồng rồi đi xe máy nhãn hiệu Yamaha

sirus (không nhớ biển kiểm soát) của gia đình đến điểm hẹn thì gặp 02 người đàn ông quốc tịch Lào, D đưa cho người đó 30.000.000 đồng và nhận 01 túi chứa 2/3 bánh Heroin và 06 túi H3 phiến và người đàn ông đó nói do D không có đủ tiền nên chỉ đưa số lượng như vậy. D nhận số ma túy mang về cất dưới đồng cãnh nhãn trước sân nhà.

Đến ngày 11/5/2023, D gọi điện cho người phụ nữ hỏi mua ma túy và nói có 2/3 bánh Heroin và 6 túi hồng phiến có mua không, người phụ nữ nhất trí mua 2/3 bánh Heroine với giá 125.000.000 đồng. D hẹn người phụ nữ đến khu vực cầu treo đầu cầu M, xã M, huyện S thì người phụ nữ đó hẹn hôm sau trao đổi mua bán.

Đến trưa ngày 12/5/2023, D gọi điện cho Lương Văn L, bảo L đến nhà D có việc, L mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX, BKS 26H9-7758 của Lò Văn H1, trú tại bản Nà Ái, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La đi đến nhà D. Đến nơi D bảo L đi ra gặp người phụ nữ xác định xem có mua ma túy thật không để dẫn vào nhà D. Sau đó D đưa cho L 03 viên H3 phiến để trả công, L nhất trí cầm 03 viên hồng phiến đi xe ra khỏi nhà D. Trên đường đi L bỏ 03 viên Hồng phiến ra sử dụng bằng hình thức đốt rồi hít vào cơ thể. Sau đó L gọi điện cho người phụ nữ hẹn gặp ở đầu cầu treo xã M. Đến nơi L trao đổi với người phụ nữ thì được biết người phụ nữ bảo muốn mua 01 bánh Heroine và 01 áo Hồng phiến, do không biết giá nên L bảo về trao đổi lại với D thống nhất giá sau đó sẽ báo lại sau.

Sau đó L đi đến gặp D tại nhà của Lò Văn T2 (con trai D đi làm xa vắng nhà) ở cùng bản cách nhà D khoảng 60m. Đến nơi có cả Lò Văn Q là con trai D ở cùng nhà với D, (Q đang trông nhà cho T2), D hỏi L: “khách có lấy ma túy không” L bảo: “khách muốn mua 01 bánh Heroine và 01 áo Hồng phiến”. D nói chỉ có 01 bánh Heroine và 06 túi Hồng phiến và bán giá 01 bánh Heroine 125.000.000 đồng, còn H3 phiến bán giá 2.300.000 đồng/1 túi, L thấy giá bán H3 phiến rẻ nên bảo với D nên bán H3 phiến giá 2.500.000 đồng/túi, D đồng ý. Lúc đó Q ở đó nói với L: “cứ mang ma túy đi bán, lúc nào xong việc sẽ tính, không sợ thiệt đâu” L đồng ý, sau đó L gọi điện cho người phụ nữ và bảo có 01 bánh Heroine và 06 túi Hồng phiến sẽ bán với giá 140.000.000 đồng, người phụ nữ đồng ý, L hẹn giao nhận ma túy vào tối cùng ngày ở khu vực bản Anh T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Sau đó L vào thông báo lại nội dung trao đổi với người phụ nữ cho D và Q biết, sau đó cả 3 đi về nhà D để lấy ma túy.

Khi về đến nhà, D ra vị trí cất giấu lấy túi ma túy đang giấu mang vào trong nhà kiểm tra thấy H2 có khoảng 2/3 bánh và 06 túi Hồng phiến, D và L lấy băng dính đen buộc số ma túy lại. Sau đó D bảo L đi trước để dẫn đường người mua ma túy đến địa điểm để bán ma túy, sau khi L đi được khoảng 10 phút thì D bảo Q đi xem khi nào L bán được ma túy thì cầm tiền về.

Trên đường đi L gọi điện cho D báo địa điểm giao nhận ma túy là ở cây xăng bản Anh T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La, D cầm túi ma túy đi xe máy đến bờ sông sau đó lội qua sông và gọi điện cho L đi xuống lấy, L đi bộ xuống bờ sông lấy ma túy, D dặn L sau khi giao ma túy xong thì sẽ có Q đến lấy tiền về. L lấy ma túy sau đó mang lên chỗ người phụ nữ để giao gói ma túy. Khi L đến đoạn đường đã hẹn ở đường Q thuộc bản Anh T3, xã C, huyện S cầm túi đựng ma túy đi đến xe ô tô của người phụ nữ mua ma túy thì thấy Q chạy xe qua sau đó Q quay đầu xe rồi

dừng ở bên cạnh xe ô tô. Khi **L** chuẩn bị lên xe ô tô thì bị tổ công tác Bộ đội biên phòng phát hiện bắt giữ, **Q** bỏ lại xe máy rồi chạy thoát, còn người phụ nữ cùng 02 người đi cùng đã lái xe bỏ chạy thoát. Đến ngày 24/6/2023 **Lò Văn D** thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì bị **D** biên phòng **Mường C1** bắt quả tang. Ngày 26/6/2023 **Lò Văn Q** bị bắt giữ.

Ngày 28/6/2023 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bổ sung bị can số 88/QĐ-CSMT ngày 28/6/2023 đối với **Lò Văn D** trong vụ án "Mua bán trái phép chất ma túy" xảy ra vào ngày 12/5/2023 tại bản Anh **T3**, xã **C**, huyện **S** tỉnh **Son La**.

Đối với hành vi của **Lò Văn D** đưa 03 viên hồng phiến (Methamphetamine) cho **Lường Văn L** để trả công việc **L** đi trao đổi và đón người phụ nữ không quen biết mua bán ma túy. Số 03 viên hồng phiến được tính theo khối lượng viên Hồng phiến thấp nhất trong số hồng phiến bắt quả tang, xác định được 03 viên = 0,24 gam.

Đối với hành vi của **Lường Văn L** nhận 03 viên hồng phiến của **Lò Văn D** trả công. Quá trình điều tra xác định số ma túy trên bị cáo đã một mình sử dụng hết, không thu giữ được vật chứng để giám định, không xác định được khối lượng ma túy, nên không có căn cứ để quy kết buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 03 viên hồng phiến.

Đối với 02 người đàn ông quốc tịch Lào: **Lò Văn D** khai là người đã bán 247,08 gam Heroine; 95,81 gam Methamphetamine cho **D**, nhưng **D** không biết rõ tên tuổi, địa chỉ, không nhớ số điện thoại của người đó. Ngoài lời khai của **Lò Văn D1**, cơ quan CSĐT **Công an tỉnh S** không còn tài liệu, chứng cứ nào khác. Do vậy không có căn cứ để tiếp tục xác minh, điều tra.

- Đối với người phụ nữ hỏi mua ma túy và 02 người đàn ông đi cùng. Quá trình điều tra, **Lò Văn D**, **Lường Văn L** đều khai không biết rõ tên tuổi, địa chỉ, không nhớ số điện thoại của những người này. Ngoài lời khai của **D** và **L** cơ quan CSĐT **Công an tỉnh S** không còn tài liệu, chứng cứ nào khác. Do vậy không có căn cứ để tiếp tục xác minh, điều tra.

Đối với **Lò Thị H4** (là con gái của **Lò Văn D**) là người đăng ký và cho **D** sử dụng số thuê bao 0395.764.722 việc **D** sử dụng số thuê bao trên để thực hiện hành vi phạm tội **Lò Thị H4** không biết và không liên quan. Do vậy không đề cập đến vấn đề xử lý.

Đối với **Lò Văn T2** (là con trai của **Lò Văn D**) là chủ nhà nơi **D**, **Q**, **L** bàn bạc trao đổi mua bán ma túy. Quá trình điều tra xác định **Lò Văn T2** đi làm thuê ở Hà Nội, **T2** đã nhờ **D** và **Q** trông coi quản lý nhà. Việc **D**, **Q**, **L** bàn bạc trao đổi việc mua bán ma túy tại nhà, **T2** không biết, không liên quan. Do vậy không đề cập đến vấn đề xử lý.

Đối với **Lềm Thị N** (là vợ của **Lò Văn D**) quá trình điều tra xác minh, có căn cứ xác định việc **Lò Văn D** sử dụng số tiền 30.000.000 đồng của gia đình để mua ma túy, **N** không biết, không liên quan. Do đó không đề cập đến vấn đề xử lý.

Tại Cáo trạng số 126/CT-VKS-P1 ngày 09/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo **Lò Văn D**, **Lường Văn L**, **Lò Văn Q** về tội Mua

bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

* *Tại phiên tòa:*

Các bị cáo **Lò Văn D**, **Lường Văn L** và **Lò Văn Q**, đều nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố đối với các bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

Bị cáo **Lò Văn D** trình bày: Sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cùng với **Lường Văn L** và **Lò Văn Q** thì bị cáo có tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội khác và ngày 26/9/2023 đã bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt bị cáo 14 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo không kháng cáo bản án trên.

Các bị cáo không trình bày gì thêm.

- Bà **Lê Thị N** trình bày: Chiếc xe máy bị cáo **Lò Văn Q** sử dụng là của gia đình bà, bà **N** không rõ là loại xe gì, nguồn gốc mua từ cửa hàng xe máy cũ, không có giấy tờ, dùng để chở nông sản, bà **N** đề nghị được trả lại chiếc xe máy trên để gia đình sử dụng.

- Anh **Lò Văn H1** trình bày: Ngày 12/5/2023 anh **H1** có cho **Lường Văn L** mượn 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 26H9-7758, **L** hỏi mượn đi việc riêng, anh **H1** không biết **L** sử dụng để thực hiện việc vận chuyển mua bán trái phép chất ma túy. Nguồn gốc chiếc xe máy trên do anh **H1** mua lại xe máy cũ của người khác, xe không có giấy tờ, mục đích sử dụng để chở nông sản. Anh **H1** đề nghị được trả lại chiếc xe trên để sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội: giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo **Lò Văn D**, **Lường Văn L**, **Lò Văn Q** phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lò Văn D** mức hình phạt tù chung thân; đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 14 năm 06 tháng tù tại Bản án số 216/2023/HSST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lường Văn L** 20 năm tù;

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lò Văn Q** 20 năm tù.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với cả ba bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Redmi thu giữ của **Lường Văn L**; Trả lại cho **Lò Văn Q** 03 chiếc điện thoại đã thu giữ.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát: 26H9-7758 (thu giữ của **Lường Văn L**) và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát: 36C2-312.65 (thu giữ của **Lò Văn Q**) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết

định.

Về án phí: Miễn án phí cho cả 3 bị cáo.

* Ý kiến của Luật sư **Nguyễn Bá L1** bào chữa cho bị cáo **Lò Văn D**: Nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản áp dụng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Luật sư chỉ đề nghị cho bị cáo được hưởng mức hình phạt tù thấp nhất của khung hình phạt.

- Ý kiến của Luật sư **Trần Bích L2** bào chữa cho bị cáo **Lường Văn L**: Nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Luật sư đồng ý với mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, đề nghị trả lại xe máy do bị cáo **L** mượn của anh **Lò Văn H1** hiện đang bị thu giữ cho anh **H1**.

- Ý kiến của Luật sư **Đàm Mạnh H** bào chữa cho bị cáo **Lò Văn Q**: Luật sư cũng nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Luật sư đồng ý đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo **Q**. Đề nghị trả lại xe do bị cáo **Q** sử dụng và bị thu giữ cho bà **Lê Thị N**.

- Các bị cáo **Lò Văn D**, **Lường Văn L**, **Lò Văn Q** đều nhất trí với lời bào chữa của các luật sư, không có ý kiến gì thêm. Các bị cáo nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là đồng nhất, thể hiện: Sau khi được đối tượng khác hỏi đặt mua ma túy, **Lò Văn D** đã tìm mua ma túy của người đàn ông quốc tịch Lào để bán lại kiếm lời. Sau khi mua được ma túy **D** đã nhờ **Lường Văn L** trực tiếp gặp trao đổi với đối tượng mua ma túy; sau khi trao đổi thỏa thuận được về loại, số lượng, giá mua bán và địa điểm giao ma túy thì **L** gọi điện thoại cho **Lò Văn D** giao ma túy đưa cho **L** để **L** giao cho người mua; còn **Lò Văn Q** được **Lò Văn D** giao nhiệm vụ đi sau theo **L** để nhận tiền bán ma túy đem về giao cho **D**; khi **Lường Văn L** đang trao đổi mua bán ma túy với người mua tại khu vực bản Anh **T3**, xã **C**, huyện **S** thì **L** bị bắt quả tang cùng với vật chứng là 95,81 gam loại Methamphetamine và 247,08 loại Heroine. Sau đó **Lò Văn D**, **Lò Văn Q** cũng bị bắt giữ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 19 giờ 00 phút ngày 12/5/2023 đối với **Lường Văn L** cùng vật chứng thu giữ; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu tạm giữ; Biên bản cân tịnh xác định khối lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định chất ma túy; Kết luận giám định về chất ma túy số 997/KL-KTHS ngày 14/5/2023 của **Phòng K Công an tỉnh S**;

Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của người chứng kiến sự việc bắt giữ đối với **Lường Văn L**; phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác về việc bắt giữ đối với **Lò Văn D**, **Lò Văn Q** được Cơ quan điều tra thu thập lưu trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo **Lò Văn D**, **Lường Văn L**, **Lò Văn Q** đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Về khối lượng chất ma túy các bị cáo phải chịu trách nhiệm:

Đối với **Lò Văn D** đã trực tiếp liên hệ mua ma túy của người đàn ông người Lào sau đó thuê **Lường Văn L** trao đổi mua bán với đối tượng mua (**D** đã trả công cho **L** 03 viên Hồng phiến), do đó **D** phải chịu trách nhiệm đối với tổng khối lượng chất ma túy giao cho **L** gồm: 96,05 gam Methamphetamine (bao gồm cả 03 viên Methamphetamine = 0,24 gam đã trả công cho **L**, được tính theo khối lượng 03 viên thấp nhất thu được khi bị bắt quả tang đối với **Lường Văn L**) và 247,08 gam Heroine; tổng khối lượng của hai chất ma túy là 343,13 gam;

Đối với **Lường Văn L** phải chịu trách nhiệm đối với số ma túy đã nhận của **Lò Văn D** để bán là: 95,81 gam Methamphetamine và 247,08 gam Heroine (bị thu giữ khi bắt quả tang), tổng khối lượng của hai chất ma túy là 342,89 gam;

Đối với **Lò Văn Q** cùng phải chịu trách nhiệm đối với số ma túy **Lường Văn L** đã đem bán là: 95,81 gam Methamphetamine và 247,08 gam Heroine (bị thu giữ khi bắt quả tang **Lường Văn L**,) tổng khối lượng của hai chất ma túy là 342,89 gam;

[4] Về tình tiết định khung hình phạt của các bị cáo:

Các bị cáo **Lò Văn D**, **Lường Văn L**, **Lò Văn Q** đã có hành vi mua bán trái phép 02 chất ma túy (Heroine và methamphetamine), trong đó tổng khối lượng chất ma túy đó tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt “tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình”. Do đó, Cáo trạng số 126/CT-VKS-P1 ngày 09/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo **Lò Văn D**, **Lường Văn L**, **Lò Văn Q** tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Các bị cáo **Lò Văn D**, **Lường Văn L**, **Lò Văn Q** đều nhận thức rõ tác hại của ma túy đối với xã hội và nhà nước nghiêm cấm việc mua bán trái phép chất ma túy, nhưng do hám lợi đã bất chấp quy định của pháp luật cố ý thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà

nước về các chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn và các tội phạm khác.

[6] Đánh giá vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo đồng phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó: **Lò Văn D** là người khởi xướng và trực tiếp giao dịch mua bán trái phép chất ma túy với đối tượng người Lào sau đó rủ rê lôi kéo **Lường Văn L**, **Lò Văn Q** tham gia, nên **D** là người chủ mưu, khởi xướng đồng thời là người trực tiếp thực hiện tội phạm, do đó có vai trò chính, cao nhất trong vụ án; **Lường Văn L** là người tiếp nhận ý chí của **D** đã trực tiếp thực hiện việc giao dịch mua bán trái phép chất ma túy với đối tượng người Việt Nam, vừa là người giúp sức và là người thực hành. Do đó, **Lường Văn L** có vị trí, vai trò thấp hơn **Lường Văn D2**.

Đối với **Lò Văn Q**: đã tham gia việc mua bán trái phép chất ma túy với vai trò giúp sức cho **D2** và **L** (có lời nói giúp sức về tinh thần để **L** đi bán ma túy và được **D2** giao nhiệm vụ nhận tiền bán ma túy từ **L** đem về cho **D2**). Do đó, **Lò Văn Q** có vai trò và mức độ phạm tội thấp hơn **D2** và **L**.

Các bị cáo là đồng phạm, nên cần xem xét áp dụng quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[7] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo **Lò Văn D** và **Lường Văn L** đều có nhân thân xấu, trong đó:

Bị cáo **Lò Văn D**: tại Bản án số 125/2017/HSST, ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, đã xử phạt 48 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/5/2020); ngoài ra, tại Bản án số 216/2023/HSST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La bị xử phạt 14 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo **Lường Văn L**: tại Bản án số 101/2019/HSST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã xử phạt **Lường Văn L** 16 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (ngày 03/7/2020 chấp hành xong hình phạt tù).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Đối với **Lường Văn L**: Sau khi bị bắt quả tang đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, khai ra **Lò Văn D**, **Lò Văn Q** là đồng phạm trong vụ án nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, các bị cáo **Lò Văn D**, **Lường Văn L** và **Lò Văn Q**, đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng tương đối lớn; đã phạm tội với tính chất mức độ nguy hiểm cao, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Trong

đó, bị cáo **Lò Văn D** là người chủ mưu cầm đầu, có nhân thân xấu nên cần xử phạt bị cáo **D** mức hình phạt tù không thời hạn như ý kiến đề nghị của đại diện **Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S** tại phiên tòa mới tương xứng với vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của bị cáo.;

Đối với bị cáo **Lường Văn L** và bị cáo **Lò Văn Q**, đều là đồng phạm giúp sức cho bị cáo **Lò Văn D**. Xét về vị trí vai trò, mức độ phạm tội của **L**, **Q** và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của **Lường Văn L**, thì mức án 20 năm tù mà đại diện **Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La** đề nghị xử phạt đối với hai bị cáo **Lường Văn L** và **Lò Văn Q** là phù hợp, nên chấp nhận.

Ngoài ra, đối với bị cáo **Lò Văn D** thì tại Bản án số 216/2023/HSST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La bị xử phạt 14 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bản án nêu trên đã có hiệu lực pháp luật, nên cấp áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai bản án, buộc bị cáo **Lò Văn D** phải chấp hành hình phạt chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, Căn cứ vào kết quả điều tra vào tranh tụng tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định các bị cáo không có tài sản có giá trị; không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không có khả năng thi hành án, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả ba bị cáo.

[9] Đối với các đối tượng có liên quan trong vụ án:

Đối với 02 người đàn ông quốc tịch Lào: Quá trình điều tra, bị cáo **Lò Văn D**, khai nhận không biết rõ tên tuổi, địa chỉ, không nhớ số điện thoại của đối tượng. Ngoài lời khai của bị cáo, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh S** không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để tiếp tục điều tra làm rõ. Do vậy không có căn cứ để tiếp tục xác minh, điều tra.

Đối với người phụ nữ dân tộc **T4** mua ma túy với **D** và **L** và 02 người đàn ông đi cùng. Quá trình điều tra, bị cáo **D**, **L** khai nhận không biết rõ tên tuổi, địa chỉ, không nhớ số điện thoại của đối tượng. Ngoài lời khai của bị cáo, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh S** không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để tiếp tục điều tra làm rõ. Do vậy không có căn cứ để tiếp tục xác minh, điều tra.

- Đối với **Lò Thị H4** (là con gái của bị cáo **Lò Văn D**) là người đăng ký và cho bị cáo **D** sử dụng số thuê bao 0395.764.722 việc bị cáo **D** sử dụng số thuê bao trên để thực hiện hành vi phạm tội **Lò Thị H4** không biết và không liên quan. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập đến vấn đề xử lý.

- Đối với **Lò Văn T2** (là con trai của bị cáo **Lò Văn D**) là chủ nhà nơi bị cáo **D**, **Q**, **L** bàn bạc trao đổi mua bán ma túy. Quá trình điều tra xác định **Lò Văn T2** đi làm thuê ở Hà Nội. Ngôi nhà **T2** nhờ **D** và **Q** trong coi giúp. Việc các bị cáo **D**, **Q**, **L** bàn bạc trao đổi việc mua bán ma túy tại nhà ở của **T2** thì **T2** không biết, không liên quan. Do vậy không đề cập đến vấn đề xử lý.

- Đối với **Lê Thị N** (là vợ của bị cáo **Lò Văn D**) quá trình điều tra xác minh, có căn cứ xác định việc bị cáo **Lò Văn D** sử dụng số tiền 30.000.000 đồng của gia đình để mua ma túy, **N** không biết, không liên quan. Do đó không đề cập đến vấn đề xử lý.

[10] Về vật chứng, đồ vật, tài sản liên quan:

- Đối với số Heroine và **M1** còn lại sau khi trích mẫu giám định, là chất ma túy Nhà nước cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại Redmi thu giữ của **Lường Văn L** bị cáo dùng liên lạc mua bán ma túy, nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại Realme, 01 điện thoại Oppo, 01 điện thoại Nokia thu giữ của **Lò Văn Q** xét điện thoại là tài sản của bị cáo không sử dụng 03 chiếc điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội, do đó trả lại cho bị cáo **Lò Văn Q**.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, sơn màu đen, biển kiểm soát 36C2 - 312.65. thu giữ khi bắt quả tang **Lường Văn L** (do **Lò Văn Q** bỏ lại). Quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa xác định chiếc xe là của bị cáo **Lò Văn D** đã giao cho **Lò Văn Q** quản lý, sử dụng; căn cứ Phiếu xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 19/5/2023 thì chiếc biển kiểm soát 36C2-312.65 không phải là của chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA có số máy: 5C64-351972, số khung: Không hiển thị rõ, bị hạn chế, mà là của chiếc xe máy khác có nhãn hiệu Wave Alpha của chủ xe tên: **Phạm Văn T5**). Xét thấy chiếc xe trên không có đăng ký chính chủ, không đủ điều kiện để lưu hành, không còn giá trị sử dụng, chiếc xe trên là phương tiện bị cáo **Lò Văn D** đưa cho **Lò Văn Q** sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó không chấp nhận đề nghị của bị cáo và bà **Lê Thị N** về việc xin lại chiếc xe, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát: 26H9-7758, thu giữ khi bắt quả tang **Lường Văn L**. Quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ xác định, chiếc xe do **Lường Văn L** mượn của anh **Lò Văn H1**, là tài sản của anh **H1**, khi **Lường Văn L** mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội anh **H1** không biết. Tuy nhiên, căn cứ Phiếu xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 19/5/2023 thì chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26H9-7758 không phải là của chiếc xe máy HONDA WAVE RSX, màu sơn đỏ đen, có số khung RLMIC4326BY377937, số máy JC43E-6321119 đã thu giữ nêu trên, mà là của chiếc xe máy khác có nhãn hiệu ESPERO màu sơn đen, chủ xe: Thào A Ma. Xét thấy việc sử dụng, lưu hành chiếc xe nêu trên của anh **Lò Văn H1** đã không tuân thủ quy định của pháp luật; không xác định được nguồn gốc chiếc xe; mặt khác bị cáo **Lường Văn L** đã sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội và hiện chiếc xe không có giá trị sử dụng, do đó cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc điện thoại di động lắp sim 0395.331.415 của **Lò Văn D**: **D** khai đã sử dụng để trao đổi với người mua ma túy và liên lạc với **Lường Văn L**, nhưng chiếc điện thoại trên **D** khai đã làm mất từ giữa tháng 6/2023. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ thu giữ và đề nghị xử lý.

- Đối với chiếc điện thoại của **Lò Văn Q**, sử dụng số thuê bao 0366.331.415: **Q** khai đã sử dụng để liên lạc với **L** để thực hiện hành vi phạm tội về ma túy, chiếc điện thoại trên **Q** đã làm mất từ giữa tháng 6/2023. Do đó, Do đó, Cơ quan điều tra

không có căn cứ thu giữ và đề nghị xử lý.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, màu sơn đỏ, theo **Lò Văn D** khai nhận đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội về ma túy, tuy nhiên chiếc trên **D** đã bán từ giữa tháng 6/2023. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ thu giữ và đề nghị xử lý.

[11] Về án phí:

Tại phiên tòa bị cáo và người bào chữa đều có ý kiến đề nghị xem xét được miễn án phí. Xét thấy, bị cáo **Lường Văn L** có Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc đối tượng được miễn án phí, do đó hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 39; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo **Lò Văn D** phạm tội Mua bán phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo **Lò Văn D** tù chung thân.

- Tổng hợp hình phạt 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 216/2023/HSST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Buộc bị cáo **Lò Văn D** phải chịu mức hình phạt chung là tù chung thân. Tính từ ngày 24/6/2023.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo **Lường Văn L** phạm tội Mua bán phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo **Lường Văn L** 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2023.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo **Lò Văn Q** phạm tội Mua bán phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo **Lò Văn Q** 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về vật chứng, đồ vật, tài sản: Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) chiếc phong bì nguyên niêm phong, một mặt phong bì ghi: “Vật chứng vụ **Lường Văn L**, sinh năm 1991, vận chuyển trái phép chất ma túy, gồm có: Vật chứng còn lại L1 = 170 viên = 15,55 gam; L2 = 151 viên = 14,2 gam; L3 = 176 viên = 16,57 gam; L4 = 163 viên = 14,93 gam; L5 = 177 viên = 15,79 gam ; L6 = 181 viên = 16,02gam; L7 = 244, 77 gam + mảnh nilon màu đen, phong bì niêm phong ban đầu + 01 (một) mảnh nilon màu đen + 02 (hai) mảnh nilon màu trắng +

01 (một) mảnh nilon màu xanh + 02 mảnh nilon màu trắng + 1 (một) mảnh giấy nền màu vàng + 01 (một) mảnh nilon màu vàng + 02 (hai) mảnh nilon màu trắng (Theo Kết luận giám định số 997/KL-KTHS ngày 14/5/2023 của phòng KTHS Công an tỉnh S thì các mẫu gửi giám định ký hệ từ M1 đến M6 đều là ma túy, loại Methamphetamine; mẫu M7 là ma túy loại Heroine; mẫu X1 không phải là ma túy);

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát: 26H9-7758; có số khung RLMIC4326BY377937, số máy JC43E-6321119, xe không có gương chiếu hậu, không có chìa khóa xe, đã qua sử dụng, xe gắn một biển kiểm soát 26H6-7758;

- 01 (một) chiếc xe mô tô màu sơn đen, tại buồng máy có chữ YAMAHA, xe có số máy: 5C64-351972, số khung: Không hiển thị rõ, bị han gỉ, không có gương chiếu hậu, không có vỏ nhựa ốp thân xe, không có yếm, không có chìa khóa, xe đã bị hư hỏng, thiếu nhiều phụ tùng...; xe gắn 01 biển kiểm soát 36C2 - 312.65.

4.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

01 (một) chiếc điện thoại di động có nhãn hiệu REDMI, màu xanh đen, loại màn hình cảm ứng, màn hình bị vỡ, đã qua sử dụng.

4.3. Trả lại cho bị cáo Lò Văn Q:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu vàng đồng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại bàn phím, vỏ màu trắng bị vỡ, có số IMEI: 351546006700684, máy đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng, đồ vật, tài sản: Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/10/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn D, Lương Văn L, Lò Văn Q.

6. Quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2023).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng PC04 - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- CQHSNV Công an tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đinh Huy Hiệp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điêu Thị Kim Liên

Đinh Huy Hiệp

